



wán hū zhí shǒu

玩忽职守

idiom · neglect of duty

Example Sentences

Tā yīn wèi wán hū zhí shǒu bèi gōng sī kāi chú le
他因为玩忽职守被公司开除了。

He was fired by the company for neglect of duty.

Wán hū zhí shǒu de xíng wéi huì gěi tuán duì dài lái yán zhòng hòu guǒ
玩忽职守的行为会给团队带来严重后果。

Neglect of duty can bring serious consequences to the team.

Trace each character, then write the word on your own.

玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩	玩
忽	忽	忽	忽	忽	忽	忽	忽	忽	忽	忽
职	职	职	职	职	职	职	职	职	职	职
职	职	职								
守	守	守	守	守	守	守	守	守		